TOÀ □N NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGH□ AN

C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 22-4-2019
V/việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lương Thị Huyên
Ông Đào Minh Đức
- ***Th- ký phiên tòa:*** Bà Vi Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ng. Sinh năm: 1958
Trú tại: Khối 3, thị trấn T, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An
Có mặt
- *Bị đơn:* Bà Lô Thị T. Sinh năm: 1976
Trú tại: Khối 4, thị trấn T, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Ng trình bày: Ngày 22/01/2015, bà Ng cho bà Lô Thị T vay số tiền 25.000.000^{đ}, việc vay nợ có làm giấy tờ với nội dung hẹn trả trong vòng 06 tháng và không tính lãi suất. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thỏa thuận thì bà T không trả cho bà Ng số tiền đã vay. Vì vậy bà Ng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán cho bà Ng số tiền gốc và số tiền lãi 8.000.000^{đ}, tổng cộng với số tiền 33.000.000^{đ} (Ba mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, bà Ng rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà T phải thanh toán cho bà Ng số tiền cả gốc và lãi là 17.950.000^{đ} (Mười bảy triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn là bà Lô Thị T trình bày: Ngày 12/8/2014, bà T có vay của bà Ng số tiền 20.000.000^{đ} (Hai mươi triệu đồng). Từ tháng 9/2014 thì hàng tháng bà T đã trả

một phần gốc và lãi cho bà Ng. Đến ngày 22/5/2016 thì tổng số tiền bà T đã trả cho bà Ng là 23.850.000đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện nay, bà T đã thanh toán xong số tiền gốc và lãi suất theo Giấy vay tiền ngày 12/8/2014 cho bà Ng. Đối với khoản vay đề ngày 22/01/2015 thì bà T không đồng ý với yêu cầu của bà Ng. Bà T cho rằng, bà Ng đã tự ý ghi thêm khoản vay 15.000.000đ vào phía trước chữ ký của bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 305, 474, 477 và 478 BLDS 2005. Buộc bà T phải trả cho bà Nguyệt số tiền gốc 11.050.000đ và tiền lãi là 3.787.500đ, tổng cộng 14.937.500đ. Buộc bà T và bà Ng phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Việc vay mượn tiền giữa bà Phạm Thị Ng và bà Lô Thị T được lập thành văn bản thể hiện nội dung vay tiền, số tiền vay và thời hạn trả nợ. Từ đó có đủ căn cứ để xác định tranh chấp giữa bà Ng và bà T là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, bà Ng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 71 BLTTDS, cần chấp nhận yêu cầu này của bà Phạm Thị Ng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, lời khai của các bên, biên bản hòa giải và diễn biến tại phiên tòa đã đủ cơ sở để kết luận: Việc vay mượn tiền giữa bà Phạm Thị Ng và bà Lô Thị T bắt đầu từ ngày 12/8/2014 với số tiền 20.000.000đ và không có lãi suất với thời hạn 06 tháng. Từ ngày 17/9 đến ngày 22/12/2014, bà T đã trả cho bà Ng số tiền 11.800.000đ, còn lại 8.200.000đ. Ngày 22/01/2015, bà T tiếp tục vay của bà Ng số tiền 15.000.000đ. Từ ngày 22/02/2015 đến ngày 22/5/2016, bà T đã trả cho bà Ng số tiền 12.050.000đ.

Khoản vay 15.000.000đ ngày 22/01/2015 được viết trực tiếp vào phần theo dõi trả nợ hàng tháng trên giấy vay tiền lập ngày 12/8/2014 và được bà Lô Thị T ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà T không thừa nhận khoản vay này nhưng căn cứ vào chứng cứ do bà Phạm Thị Ng giao nộp, đủ căn cứ để xác định vào ngày 22/01/2015, bà Lô Thị T đã vay tiếp của bà Phạm Thị Ng số tiền 15.000.000đ.

Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ng về việc buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay 15.000.000đ vào ngày 22/01/2015.

[2.2] Về lãi suất: Đối với khoản vay ngày 12/8/2014, hết thời hạn 06 tháng do bà T không thanh toán đủ khoản tiền nên căn cứ khoản 4 Điều 474 BLDS 2005, bà

T phải chịu lãi đối với số tiền 8.200.000đ từ tháng 3/2015 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng tại thời điểm. Đối với khoản vay ngày 22/01/2015, do không xác định kỳ hạn trả nợ và không có lãi suất nên căn cứ vào Điều 477 BLDS 2005, bà bà T phải chịu lãi đối với số tiền 15.000.000đ từ tháng 6/2016 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng tại thời điểm. Tại thời điểm tháng 3/2015 và tháng 6/2016, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam theo Quyết định số 2868/ QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm, tương ứng với 0,75%/tháng.

[2.3] Quá trình trả nợ giữa bà T với bà Ng diễn ra vào nhiều thời điểm. Từ tháng 2/2015 đến tháng 5/2016, bà T đã trả cho bà Ng tổng số tiền 12.050.000đ. Số tiền này cần được tính để trả lãi cho số tiền gốc còn lại của khoản vay ngày 12/8/2014 và tiền gốc của hai khoản vay. Đối với khoản vay ngày 12/8/2014 còn lại 8.200.000đ, bà T phải chịu lãi suất 0,75%/tháng kể từ tháng 3/2015 đến tháng 5/2016 là (8.200.000đ x 0,75%/tháng x 14 tháng) = 861.000đ. Như vậy, đến tháng 5/2016, bà T đã trả cho bà Ng được số tiền gốc là (12.050.000đ - 861.000đ) = 11.189.000đ. Từ tháng 6/2016, bà T còn nợ bà Ng tổng số tiền gốc là (8.200.000đ + 15.000.000đ - 11.189.000đ) = **12.011.000đ** ***(Mười hai triệu, không trăm mười một nghìn đồng)***. Cần buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc này cho bà Ng.

Ngoài ra, cần buộc bà T phải chịu lãi suất 0,75%/tháng đối với số tiền 12.011.000đ kể từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2019 (12.011.000đ x 0,75%/tháng x 34 tháng) = **3.062.788đ** ***(Ba triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng)***.

Tổng cộng, cần buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng số tiền **15.073.788đ** ***(Mười lăm triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng)***.

[3] Về án phí:

- Cần buộc bà Lô Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.
- Bà Phạm Thị Ng là người cao tuổi. Cần miễn án phí DSST cho bà Ng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 4 Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng. Buộc bà Lô Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng số tiền gốc và lãi suất đối với các khoản vay ngày

12/8/2014 và 22/01/2015 với tổng số tiền là 15.073.788đ (Mười lăm triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Lô Thị T phải chịu 753.000đ (Bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí DSST.

- Miễn tiền án phí DSST cho bà Phạm Thị Ng. Trả lại cho bà Ng số tiền 800.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000749 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Ng và bà Lô Thị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện Quỳ Châu*
- *Chi cục THADS huyện Qùy Châu*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoài Nam